

| Số TT    | Tên đơn vị hành chính                                                                                           | Đoạn đường                 |                        | Giá đất |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|---------|
|          |                                                                                                                 | Từ                         | Đến                    | VT1     |
| 1.69     | Khu nội bộ Mậu Thân                                                                                             | Đường Cao Thắng            |                        | 15.600  |
|          |                                                                                                                 | Đường Đinh Công Tráng      |                        | 15.600  |
|          |                                                                                                                 | Đường Nguyễn Cư Trinh      |                        | 15.600  |
|          |                                                                                                                 | Đường Nguyễn Ngọc Trai     |                        | 15.600  |
|          |                                                                                                                 | Đường Nguyễn Văn Trỗi      |                        | 15.600  |
| 1.70     | Đường nội bộ Khu tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5) | Các trục đường chính       |                        | 18.900  |
| 1.71     | Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)                                                      | Các trục đường chính       |                        | 18.900  |
| 1.72     | Khu dân cư Búng Xáng                                                                                            | Đường nội bộ               |                        | 11.600  |
| 1.73     | Khu dân cư Trần Khánh Dư                                                                                        | Đường 30 Tháng 4           | Ngã ba hẻm             | 20.000  |
|          |                                                                                                                 | Các trục chính còn lại     |                        | 17.900  |
| 1.74     | Hẻm 54, Đường Hùng Vương                                                                                        | Đường Hùng Vương           | Hết trục đường chính   | 18.900  |
| 1.75     | Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng                                                                               | Đường Lý Tự Trọng          | Đường Đề Thám          | 23.100  |
| 1.76     | Hẻm 95, Đường Mậu Thân                                                                                          | Đường Mậu Thân             | Trạm Y tế (cũ)         | 16.800  |
| 1.77     | Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai                                                                             | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Cuối hẻm               | 11.600  |
| 1.78     | Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai                                                                              | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Cuối hẻm               | 11.600  |
| 1.79     | Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo                                                                                     | Đường Trần Hưng Đạo        | Cuối hẻm               | 18.900  |
| 1.80     | Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo                                                                                    | Đường Trần Hưng Đạo        | Cuối hẻm               | 16.800  |
| 1.81     | Hẻm 50, Đường Quang Trung                                                                                       | Đường Quang Trung          | Cuối hẻm               | 9.500   |
| 1.82     | Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4                                                                                       | Đường 30 Tháng 4           | Đường Nguyễn Việt Hồng | 18.900  |
| <b>2</b> | <b>Phường Cái Khế</b>                                                                                           |                            |                        |         |
| 2.1      | Đường Bế Văn Đàn                                                                                                | Đường Nguyễn Văn Cừ        | Cuối đường             | 11.600  |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                  | Đoạn đường                |                                              | Giá đất |
|-------|--------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                                        | Từ                        | Đến                                          | VT1     |
| 2.2   | Đường Cách Mạng Tháng Tám                              | Vòng xoay Bến xe          | Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải) | 39.900  |
|       |                                                        | Đường Phạm Ngũ Lão        | Đường Nguyễn Huệ (Bên trái)                  | 35.050  |
| 2.3   | Đường Đoàn Thị Điểm                                    | Đường Cách Mạng Tháng Tám | Ngã ba                                       | 14.700  |
|       |                                                        | Ngã ba                    | Cuối đường                                   | 9.500   |
| 2.4   | Đường nội bộ Khu dân cư Quận 9                         | Đường Trần Quang Khải     | Đường Lý Hồng Thanh                          | 28.400  |
| 2.5   | Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước  | Đường Trần Phú            | Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)            | 11.600  |
| 2.6   | Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)                  | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Cuối đường                                   | 16.800  |
| 2.7   | Đường Hồ Tùng Mậu                                      | Đường Trần Phú            | Đường Trần Văn Khéo                          | 57.800  |
| 2.8   | Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)         | Đường Yết Kiêu            | Cầu Rạch Ngỗng 1                             | 21.000  |
|       |                                                        | Cầu Rạch Ngỗng 1          | Cầu Rạch Ngỗng 2                             | 20.500  |
| 2.9   | Đường Lê Lợi                                           | Đường Trần Phú            | Đường Trần Văn Khéo                          | 34.700  |
|       |                                                        | Đường Trần Văn Khéo       | Khách sạn Victoria                           | 16.800  |
| 2.10  | Đường Lương Định Của                                   | Đường Trần Văn Khéo       | Cuối đường                                   | 34.700  |
| 2.11  | Đường Lý Hồng Thanh                                    | Khu chung cư              | Bờ kè Cái Khế                                | 46.200  |
| 2.12  | Đường Mậu Thân                                         | Chân cầu Rạch Ngỗng 1     | Đường Nguyễn Văn Cừ                          | 55.900  |
|       |                                                        | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Đường Nguyễn Huệ                             | 18.600  |
| 2.13  | Đường Nguyễn Bình                                      | Đường Lê Lợi              | Đường Ung Văn Khiêm                          | 16.800  |
| 2.14  | Đường Nguyễn Bình Khiêm                                | Đường Nguyễn Trãi         | Đường Ung Văn Khiêm                          | 46.200  |
| 2.15  | Đường Nguyễn Huệ (Vành đai Phi trường)                 | Đường Cách Mạng Tháng Tám | Đường Võ Văn Kiệt                            | 26.300  |
| 2.16  | Đường Nguyễn Đức Cảnh                                  | Đường Trần Phú            | Đường Trần Văn Khéo                          | 57.800  |
| 2.17  | Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)  | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Cuối đường                                   | 11.600  |
| 2.18  | Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát) | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát              | 7.400   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                 | Đoạn đường                |                                          | Giá đất |
|-------|-------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|---------|
|       |                                                       | Từ                        | Đến                                      | VT1     |
| 2.19  | Đường Nguyễn Trãi                                     | Cầu Nguyễn Trãi           | Vòng xoay Bến xe                         | 114.000 |
| 2.20  | Đường Nguyễn Văn Cừ                                   | Cầu Rạch Ngõng 2          | Đường Cách Mạng Tháng Tám                | 47.600  |
|       |                                                       | Đường Cách Mạng Tháng Tám | Cầu Cồn Khương                           | 32.100  |
|       |                                                       | Chân cầu Cồn Khương       | Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu) | 14.300  |
|       |                                                       | Cầu Cồn Khương            | Sông Hậu                                 | 14.300  |
| 2.21  | Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát) | Đường Trần Văn Giàu       | Cuối đường                               | 7.400   |
| 2.22  | Đường Phạm Ngọc Thạch                                 | Đường Trần Văn Khéo       | Cuối đường                               | 52.400  |
| 2.23  | Đường Phạm Ngũ Lão                                    | Đường Cách Mạng Tháng Tám | Đường Yết Kiêu                           | 32.600  |
| 2.24  | Đường Trần Đại Nghĩa                                  | Đường Trần Văn Khéo       | Cuối đường                               | 34.700  |
| 2.25  | Đường Trần Phú                                        | Đường Nguyễn Trãi         | Đường Lê Lợi                             | 52.400  |
|       |                                                       | Đường Lê Lợi              | Hai Bến phà Cần Thơ                      | 26.200  |
| 2.26  | Đường Trần Quang Khải                                 | Đường Nguyễn Trãi         | Đường Ung Văn Khiêm                      | 42.000  |
|       |                                                       | Đường Ung Văn Khiêm       | Đường Lê Lợi                             | 18.900  |
| 2.27  | Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)     | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Cuối đường                               | 11.600  |
| 2.28  | Đường Trần Văn Khéo                                   | Đường Nguyễn Trãi         | Đường Lê Lợi                             | 95.100  |
| 2.29  | Đường Trần Văn Ôn                                     | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Đường Nguyễn Đệ                          | 11.600  |
| 2.30  | Đường Trần Việt Châu                                  | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Đường Phạm Ngũ Lão                       | 32.600  |
| 2.31  | Đường Ung Văn Khiêm                                   | Đường Trần Phú            | Đường Nguyễn Bình Khiêm                  | 46.200  |
| 2.32  | Đường Võ Trường Toản                                  | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Đường Nguyễn Đệ                          | 16.800  |
| 2.33  | Đường Võ Văn Kiệt                                     | Đường Nguyễn Văn Cừ       | Giáp ranh phường Bình Thủy               | 20.000  |
| 2.34  | Khu chung cư C Mậu Thân                               | Cả khu                    |                                          | 6.300   |
| 2.35  | Khu chung cư Cơ Khí                                   | Cả khu                    |                                          | 7.400   |
| 2.36  | Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô                          | Cả khu                    |                                          | 23.100  |

| Số TT    | Tên đơn vị hành chính                                                                  | Đoạn đường                                |                                        | Giá đất |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
|          |                                                                                        | Từ                                        | Đến                                    | VT1     |
| 2.37     | Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên) | Cả khu                                    |                                        | 11.600  |
| 2.38     | Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế                                                | Cả khu                                    |                                        | 18.900  |
| 2.39     | Đường Yết Kiêu                                                                         | Đường Lê Anh Xuân                         | Đường Phạm Ngũ Lão                     | 18.900  |
| 2.40     | Đường Tôn Thất Tùng                                                                    | Đường Cách Mạng Tháng Tám                 | Cuối đường                             | 13.700  |
| 2.41     | Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám                                                      | Đường Cách Mạng Tháng Tám                 | Cuối đường                             | 8.800   |
| 2.42     | Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu                                                           | Đường Trần Việt Châu                      | Hết đoạn trái nhựa                     | 9.500   |
| 2.43     | Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu                                                           | Đường Trần Việt Châu                      | Hết đoạn trái nhựa                     | 9.500   |
| 2.44     | Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu                                                           | Đường Trần Việt Châu                      | Hết đoạn trái nhựa                     | 12.600  |
| 2.45     | Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu                                                           | Đường Trần Việt Châu                      | Hết đoạn trái nhựa                     | 9.500   |
| <b>3</b> | <b>Phường Tân An</b>                                                                   |                                           |                                        |         |
| 3.1      | Đường 30 Tháng 4                                                                       | Đường Trần Ngọc Quế                       | Đường 3 Tháng 2                        | 51.900  |
| 3.2      | Đường Nguyễn Văn Cừ                                                                    | Cầu Rạch Ngỗng 2                          | Cầu Cái Sơn 2                          | 33.200  |
| 3.3      | Đường Quán Trọng Hoàng                                                                 | Đường 3 Tháng 2                           | Tập thể Tỉnh ủy (cũ)                   | 11.600  |
| 3.4      | Đường Tầm Vu                                                                           | Đường Trần Ngọc Quế                       | Chợ Tầm Vu                             | 18.900  |
|          |                                                                                        | Chợ Tầm Vu                                | Cầu Mương Lộ                           | 9.500   |
|          |                                                                                        | Cầu Mương Lộ                              | Cuối đường                             | 9.500   |
| 3.5      | Đường 3 Tháng 2                                                                        | Giáp ranh phường Ninh Kiều                | Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình) | 59.300  |
| 3.6      | Đường Trần Hoàng Na                                                                    | Đường Tầm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu) | Chân cầu Trần Hoàng Na                 | 18.000  |
|          |                                                                                        | Chân cầu Trần Hoàng Na                    | Đường 3 Tháng 2                        | 30.900  |
|          |                                                                                        | Đường 3 Tháng 2                           | Cầu Đầu Sáu (Giáp ranh phường An Bình) | 23.400  |